TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thi B, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Diễm K, sinh ngày 03/9/2013;

+ Cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 20/10/2014;

Đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của cháu K, cháu T: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/01/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Diễm K, sinh ngày 03/9/2013 và cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 20/10/2014. Ly hôn, chị B và anh Đ thoả thuận thống nhất giao cả hai cháu K và cháu T cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi. Chị B và anh Đ thoả thuận thống nhất, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ xác định anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về án phí: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Đ thỏa thuận thống nhất chị B tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0000619 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên, chị B đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Vũ Thị B 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số 81/2012;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền